

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/DS-ST

Ngày: 24-8-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Trao

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thuỷ -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 702/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn K, sinh năm 1952

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2023). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn K uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn Minh đại diện trình bày:

Ông Phan Văn K quen biết ông Nguyễn Minh T thông qua cháu ông K là ông Trần Văn H. Do ông T cần tiền để làm ăn nên ông T có vay của ông K số tiền 70.000.000đ. Việc vay tiền các bên có lập thành văn bản thể hiện bằng giấy biên nhận nợ ngày 24/01/2022. Thời hạn vay là 01 tháng. Việc vay tiền không tính lãi suất. Hết hạn trả nợ, ông K đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T vẫn chưa trả tiền vay cho ông K.

Do đó, nay ông K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả lại cho ông K số tiền đã vay là 70.000.000đ. Ông K không yêu cầu ông T trả tiền lãi và không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2023:

Ông Nguyễn Minh T được Toà án cho ông xem giấy biên nhận ngày 24/01/2022 do ông Phan Văn K cung cấp cho Toà án. Giấy biên nhận nêu trên do con trai của ông T là Nguyễn Minh Phụng là người viết giúp ông T. Bên người mượn là Nguyễn Minh T. Nội dung giấy vay tiền nêu trên thể hiện ông T có vay của ông K số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) là đúng. Sau khi vay tiền nêu trên, do điều kiện kinh tế khó khăn nên hiện nay ông T chưa trả cho ông K số tiền 70.000.000đ nêu trên.

Do đó, ông T xác định ông còn nợ của ông Phan Văn K số tiền 70.000.000đ và đồng ý trả cho ông Phan Văn K số tiền nêu trên. Ông Nguyễn Minh T đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn K số tiền 70.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn K.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của các đương sự thì xác định ông Nguyễn Minh T có ký giấy vay tiền thể hiện ông T có vay của ông K số tiền 70.000.000đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2023, ông T đã xem lại giấy vay tiền nêu trên và xác định đúng chữ ký của ông; ông T xác định còn nợ của ông K số tiền 70.000.000đ đến nay chưa trả cho ông K. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa ông K và ông T có thỏa thuận cho vay tiền là có thật. Nội dung giấy vay tiền thể hiện ông T có vay của ông K số tiền 70.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất. Thời hạn trả tiền vay là 01 tháng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của ông K, buộc Thiên có trách nhiệm trả cho ông K số tiền 70.000.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về tiền lãi: Các đương sự không thỏa thuận lãi suất và không có yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn K đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn K số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Kén được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm